

Thứ năm, ngày 16 tháng 4 năm 2020

Vietnam Daily Review

Thị trường giằng co

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 17/4/2020		•	
Tuần 13/4-17/4/2020		•	
Tháng 4/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sự điều chỉnh của TTCK Mỹ trong phiên hôm qua cùng với mức giảm mạnh của giá dầu đã khiến cho VN-Index giao dịch có phần tiêu cực trong phiên sáng. Đà giảm của các cổ phiếu ngành Ngân hàng như VCB, BID, VPB, CTG là yếu tố chính khiến cho chỉ số giao dịch trong sắc đỏ. Đến phiên chiều, thị trường quay trở lại xu hướng hồi phục của các phiên trước nhờ sức bật ấn tượng của SAB, VJC, GAS. Như vậy, VN-Index đã chính thức chinh phục được ngưỡng kháng cự mạnh 780 điểm. Tuy vậy, thanh khoản giảm nhẹ cùng với đà bán ròng của khối ngoại cũng cho thấy đà tăng của chỉ số có thể sẽ gặp rung lắc trong vùng giá hiện tại.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 670 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 16/4/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm, trái chiều cùng chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_2.5%

Phân tích kỹ thuật: PLX_ Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+3.48 điểm**, đóng cửa 780.70. HNX-Index **+0.42 điểm**, đóng cửa 108.75.
- Kéo chỉ số tăng: **SAB (+3.01%)**; **VJC (+4.69%)**; **GAS (+1.20%)**; **PLX (+2.76%)**; **VCB (+5.19%)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GVR (-3.14%)**; **VHM (-0.44%)**; **VIC (-0.10%)**; **BVH (-0.72%)**; **POW (-1.21%)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,0.28 tỷ đồng**, **-10%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 10.15 điểm. Thị trường có 185 mã tăng, 64 mã tham chiếu, và 172 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **179.24 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VIC (40.29 tỷ), VNM (35.84 tỷ) và BID (24.20 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **16.67 tỷ đồng**.

VN-INDEX 780.70

Giá trị: 3027.94 tỷ

3.48 (0.45%)

Khối ngoại (ròng): -179.24 tỷ

HNX-INDEX 108.75

Giá trị: 394.32 tỷ

0.42 (0.39%)

Khối ngoại (ròng): -16.67 tỷ

UPCOM-INDEX 51.54

Giá trị: 226.02 tỷ

0.03 (0.06%)

Khối ngoại (ròng): -19.53 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	20.3	2.01%
Giá vàng	1,724	0.39%
Tỷ giá USD/VND	23,451	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	25,741	0.00%
Tỷ giá JPY/VND	21,752	-0.30%
LS liên NH 1 tháng	2.6%	10.59%
LS TPCP 5 năm	2.6%	-4.32%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	19.8	VIC	-40.3
HPG	7.3	VNM	-35.9
NVL	6.5	BID	-24.2
HCM	4.4	DXG	-23.3
VHC	3.8	VHM	-19.0

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_2.5%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Độ lệch chuẩn
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm (ước tính)	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	12/23 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							
Bảo hiểm & Chứng khoán	2.5%	8.7%	10.4%	-13.3%	-19.4%	-28.2%	2.4%	22.4%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	2.1%	5.8%	5.9%	-7.4%	-7.6%		25.5%	15.5%
Chiến tranh thương mại	1.8%	9.0%	8.6%	-19.3%	-22.9%	-23.5%	2.9%	17.4%
Stay-at-home	1.8%	4.4%	1.8%				3.4%	22.0%
Corona Avengers	1.7%	6.3%	12.2%				25.5%	15.5%
Vật liệu Xây dựng	1.3%	6.1%	8.2%	-15.2%	-18.0%		3.4%	22.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.2%	4.5%	1.7%	-23.0%	-24.3%	-16.5%	3.4%	22.0%
Dầu khí	1.0%	1.1%	4.2%	-30.7%	-35.8%		25.5%	15.5%
Xây dựng	1.0%	5.0%	4.4%	-16.2%	-29.9%		3.4%	22.0%
Lãi suất giảm	0.8%	6.3%	4.5%	-16.2%	-23.3%		10.3%	19.1%
Nước & Năng lượng	0.7%	3.1%	6.6%	-15.1%	-20.7%		3.4%	22.0%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.6%	6.8%	3.8%	-20.6%			3.4%	22.0%
Hàng tiêu dùng	0.4%	4.6%	7.8%	-17.6%	-28.3%	-21.7%	25.5%	15.5%
FTSE Việt Nam	0.4%	1.7%	5.4%	-17.4%			25.5%	15.5%
Ngân Hàng	0.4%	2.7%	0.2%	-17.9%	-16.9%	-8.8%	3.4%	22.0%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.3%	4.0%	-0.1%	-19.0%	-19.6%		2.9%	17.4%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.3%	1.9%	7.0%	-17.3%	-20.5%		3.4%	22.0%
VN FinSelect	0.3%	4.4%	-0.7%	-18.5%			3.4%	22.0%
Cổ phiếu ngành Dược	0.2%	2.7%	8.0%				2.9%	17.4%
VN Diamond	0.2%	5.5%	-0.4%	-20.7%			3.4%	22.0%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.1%	3.9%	4.8%	-17.4%	-19.4%		2.9%	17.4%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.1%	4.6%	-0.6%	-20.1%	-26.1%		2.9%	17.4%
Bất động sản & Khu công nghiệp	-0.1%	1.4%	-0.2%	-19.0%	-22.6%	-21.8%	2.4%	22.4%
Mục tiêu	3/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							
L22	1.9%	6.1%	7.8%	-19.1%	-24.0%	-24.7%	32.9%	19.4%
S21	1.6%	5.4%	4.9%	-17.8%	-19.3%	-6.5%	25.7%	19.7%
L32	1.2%	4.6%	7.9%	-22.6%	-24.8%	-25.9%	54.9%	20.8%
M22	0.4%	4.2%	3.6%	-15.6%	-19.7%	-4.7%	41.6%	18.7%
S11	0.1%	2.8%	4.5%	-14.2%	-15.4%	-8.1%	39.0%	18.6%
L11	0.1%	2.0%	3.0%	-19.1%	-22.8%	-10.3%	21.6%	17.1%
M12	0.1%	2.7%	3.7%	-15.5%	-20.6%	-21.2%	51.7%	19.9%
M31	0.0%	1.6%	2.4%	-20.4%	-23.2%	-13.3%	22.7%	20.7%
S32	-0.3%	4.9%	4.1%	-23.1%	-27.6%	-17.0%	25.6%	22.0%
Khẩu vị Rủi ro	0/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							
MID1	0.3%	2.3%	6.9%	-13.2%	-20.3%	-9.0%	24.3%	17.2%
HIGH3	0.3%	4.5%	2.3%	-14.7%	-18.6%	-1.3%	66.1%	18.6%
LOW1	-0.2%	1.8%	3.8%	-15.8%	-19.1%	-17.6%	21.3%	16.9%
INDEX								
VNINDEX	0.4%	2.7%	4.7%	-19.4%	-21.4%	-20.6%	7.9%	16.7%
VN30INDEX	0.5%	4.1%	3.8%	-17.9%	-21.2%	-18.6%	5.1%	17.2%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	1 ngày		1 tuần		1 tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	23	12	11	19	4	11	12
Mục tiêu	9	3	6	7	2	3	6
Rủi ro	3	0	3	1	2	1	2

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Phân tích kỹ thuật

PLX_ Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy ngắn hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: PLX đang nằm trong xu hướng tích lũy quanh ngưỡng giá 40. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt ngưỡng trung bình 20 phiên đồng thuận với nhịp tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ tín hiệu tích cực. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đã hình thành. PLX nhiều khả năng sẽ kiểm tra lại vùng kháng cự 48-50 trong các phiên giao dịch tới. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại vùng giá 40-41 và chốt lãi quanh ngưỡng giá 50.0. Cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 38.



Nguồn: BSC, PT KT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bứt phá

[Link](#)

KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bứt phá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 16/4/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 16/4	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	20.45	2.92%	-18.49%	-29.50%	-66.84%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	28.59	3.25%	-12.94%	-9.80%	-58.48%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	74.46	3.36%	9.82%	6.10%	-61.16%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1715.19	-0.11%	1.87%	12.20%	33.63%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	15.38	-0.57%	-0.37%	21.90%	2.83%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	854.75	0.35%	-0.81%	2.90%	-10.40%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	540.75	0.05%	-1.41%	8.30%	7.03%	0/1/1900	AFX
Sữa	USD /cwt	12.12	-1.70%	-5.46%	-22.10%	-25.64%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	151.90	-0.26%	-1.68%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.28	0.29%	-0.96%	-11.70%	-27.61%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	121.20	2.41%	0.12%	11.80%	11.40%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5111.50	-1.00%	4.66%	-6.00%	-21.12%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3361.00	-0.56%	2.06%	-5.10%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1507.50	0.27%	2.41%	-9.00%	-19.17%	0/1/1900	CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	604.50	-0.58%	2.03%	-4.30%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	57.50	-2.21%	-6.35%	-12.60%	-33.53%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent kỳ hạn tháng 6 giảm 1.91 USD hay 6.45% xuống 27.69 USD/thùng, trong khi dầu WTI kỳ hạn tháng 5 giảm 24 US cent hay 1.19% xuống 19.87 USD/thùng.
- Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo nhu cầu giảm khoảng 29 triệu thùng/ngày trong tháng 4 xuống mức chưa từng thấy trong 25 năm và cho biết không có sự cắt giảm sản lượng nào có thể bù đắp hoàn toàn cho sự sụt giảm trong ngắn hạn của thị trường.
- Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ cho biết tồn kho dầu thô tại Mỹ, nước sản xuất dầu thô lớn nhất thế giới, đã tăng vọt 19 triệu thùng trong tuần trước, trong khi các nhà máy lọc dầu cắt giảm công suất hoạt động xuống mức thấp nhất kể từ năm 2008 do nhu cầu sụt giảm bởi những nỗ lực ngăn chặn sự lây lan của virus corona.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.6% xuống 1,716.79 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6 giảm 1.6% xuống 1,740.2 USD/ounce. Vàng giảm do đồng USD mạnh lên và một số nhà đầu tư chốt lời khi giá tăng vọt trong tháng này

Giá sắt thép

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên tăng 0.3% lên 607 CNY/tấn. Trên sàn Thượng Hải, thép thanh giao tháng 10 đóng cửa giảm 0.6% xuống 3,373 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng giảm giảm 0.6% xuống 3,196 CNY/tấn.

Giá cao su

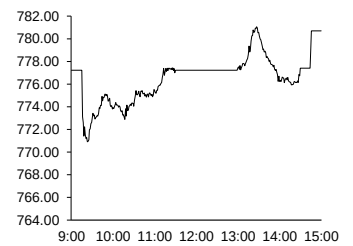
- Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn TOCOM tăng 0.9 JPY lên 152.3 JPY (1.42 USD)/kg. Trên sàn Thượng Hải, hợp đồng kỳ hạn tháng 9 tăng 20 CNY lên 10,035 CNY (1,421 USD)/tấn.
- Giá cao su trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) tăng do các nhà đầu tư săn giá hời và do lạc quan rằng Mỹ có thể nới lỏng lệnh phong tỏa.
- Nhập khẩu cao su của Trung Quốc tăng 3.6% trong tháng 3/2020 so với một năm trước.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 5/2020 tăng 0.11 US cent hay 1.1% lên 10.16 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 0.5 USD hay 0.2% lên 331.7 USD/tấn. Các nhà máy mía tại Brazil có xu hướng sản xuất thêm đường và ít ethanol hơn khi giá năng lượng thấp. Ấn Độ, nhà sản xuất đường hàng đầu thế giới có thể nhận lượng mưa trung bình trong năm nay, nâng dự đoán sản lượng nông sản tăng.
- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 7/2020 tăng 2.85 US cent hay 2.4% lên 1.212 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 7 tăng 14 USD hay 1.2% lên 1,206 USD/tấn.

Hình 1

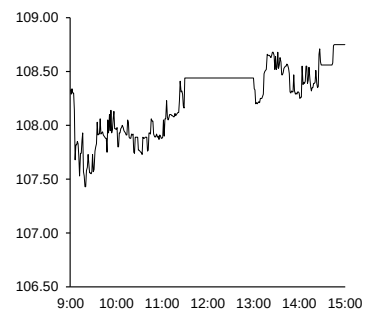
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

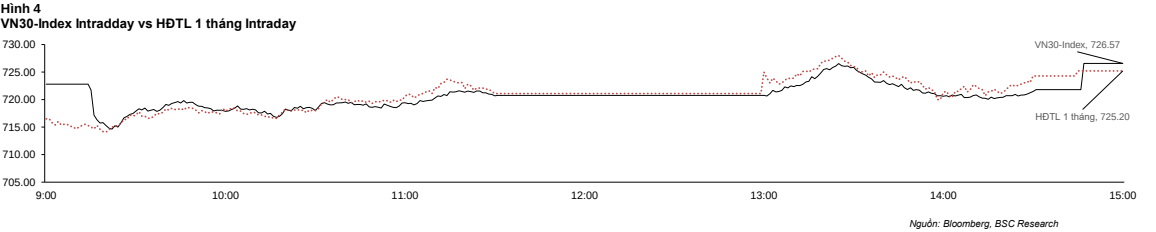
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	3.41%
Du lịch và Giải trí	2.79%
Dầu khí	2.43%
Ô tô và phụ tùng	2.20%
Xây dựng và Vật liệu	1.51%
Thực phẩm và đồ uống	0.92%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.63%
Công nghệ Thông tin	0.62%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.46%
Bảo hiểm	0.40%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.28%
Ngân hàng	0.20%
Y tế	0.15%
Tài nguyên Cơ bản	0.04%
Dịch vụ tài chính	0.03%
Bất động sản	-0.03%
Bán lẻ	-0.08%
Hóa chất	-1.36%
Viễn thông	-9.66%

Nguồn: FiinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2004	725.20	1.07%	-1.37	-32.0%	102,626	4/16/2020	0
VN30F2005	702.50	1.08%	-24.07	176.6%	68,436	5/21/2020	35
VN30F2006	695.20	0.99%	-31.37	140.2%	442	6/18/2020	63
VN30F2009	690.80	0.66%	-35.77	227.5%	262	9/17/2020	154

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 3.77 điểm lên mức 726.57 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VJC, SAB, HPG, MBB, và HDB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. Trong phiên sáng, VN30 điều chỉnh giảm đầu phiên xuống dưới 715 điểm, trước khi phục hồi tích cực lên trên 720 điểm. Sang phiên chiều, VN30 giảm co quanh vùng 720-725 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy quanh kháng cự 725 điểm trong những phiên tiếp theo.

- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2005 và VN30F2009 đang tăng, trong khi VN30F2006 đang giảm. Điều này báo hiệu vận động tăng trong ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 670 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CFPT2002	VCSC	7/22/2020	97	2:1	28,960	43.1%	1.0 triệu	31.34%	2,900	690	30.19%	517.00	1.33
CHDB2003	KIS	12/16/2020	244	2:1	83,730	45.0%	2.0 triệu	33.61%	2,700	880	14.29%	117.00	7.52
CFPT2001	HSC	6/22/2020	67	5:1	70,000	34.2%	5.0 triệu	31.34%	1,600	420	7.69%	190.90	2.20
CVRE2003	KIS	12/16/2020	244	2:1	21,290	2239.6%	3.0 triệu	37.81%	3,000	1,460	5.04%	353.40	4.13
CSTB2002	KIS	12/16/2020	244	1:1	103,220	-64.7%	3.0 triệu	36.66%	1,700	1,540	1.99%	561.90	2.74
CFPT1908	MBS	6/17/2020	62	3:1	113,590	-57.5%	2.4 triệu	31.34%	3,150	810	1.25%	450.60	1.80
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	97	1:1	42,510	56.6%	1.5 triệu	38.70%	2,200	1,800	0.00%	1,740.20	1.03
CROS2001	KIS	6/19/2020	64	4:1	879,860	106.0%	10.0 triệu	61.58%	1,500	60	0.00%	-	
CHPG2001	HSC	6/30/2020	75	2:1	104,270	14.8%	5.0 triệu	32.01%	1,800	400	0.00%	108.20	3.70
CSBT2001	KIS	12/16/2020	244	1:1	121,980	77.7%	2.0 triệu	32.45%	2,900	960	-1.03%	174.10	5.51
CVNM2002	KIS	12/16/2020	244	5:1	72,590	219.9%	3.0 triệu	27.59%	3,200	1,310	-2.96%	184.80	7.09
CSTB2001	KIS	6/19/2020	64	1:1	356,970	-52.7%	5.0 triệu	36.66%	1,500	600	-3.23%	206.60	2.90
CMSN2001	KIS	12/16/2020	244	5:1	13,310	-45.3%	2.0 triệu	31.41%	2,300	2,110	-4.52%	1,000.30	2.11
CHPG2004	SSI	6/15/2020	60	1:1	49,780	-9.8%	5.0 triệu	32.01%	2,800	620	-4.62%	198.40	3.13
CHDB2001	KIS	6/19/2020	64	2:1	400,720	-2.6%	5.0 triệu	33.61%	2,000	130	-7.14%	13.60	9.56
CTCB1902	VND	6/5/2020	50	1:1	95,670	92.6%	2.0 triệu	32.62%	5,300	350	-10.26%	78.70	4.45
CHPG1909	KIS	5/15/2020	29	2:1	264,270	122.8%	5.0 triệu	32.01%	1,800	80	-11.11%	5.60	14.29
CMWG2004	SSI	6/15/2020	60	1:1	98,240	-10.6%	1.0 triệu	36.91%	13,600	360	-12.20%	104.90	3.43
CVPB2001	HSC	6/22/2020	67	2:1	165,490	2.0%	5.0 triệu	38.70%	1,500	1,220	-12.86%	1,271.70	0.96
CVPB2004	SSI	5/14/2020	28	1:1	265,470	-60.9%	3.0 triệu	38.70%	4,100	300	-14.29%	252.40	1.19
Tổng:					3,351,920		70.90 triệu		35.35%**				
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 16/4/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm, trái chiều cùng chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

- Về giá, CVPB2001 giảm mạnh -12.86%. Trái lại, CVRE2003 tăng tích cực 5.04%. Giá trị giao dịch giảm -39.18%. CSTB2001 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.69% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là DPM, FPT, STB, VPB, và VRE, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2001 và CVPB2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CDPM2002 và CMSN2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VJC	116.00	4.69	1.85
SAB	157.60	3.01	0.44
HPG	20.25	0.75	0.34
MBB	16.50	0.92	0.29
HDB	20.95	1.45	0.28

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VHM	67.5	-0.44	-0.15
POW	9.0	-1.21	-0.07
MSN	60.8	-0.16	-0.06
VIC	95.9	-0.10	-0.06
PNJ	59.0	-0.34	-0.05

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT2002	63,800	58,000	50,300
CHDB2003	37,523	32,123	20,950
CFPT2001	64,000	56,000	50,300
CVRE2003	43,999	37,999	26,500
CSTB2002	13,588	11,888	9,720
CFPT1908	63,450	54,000	50,300
CVPB2003	24,200	22,000	21,750
CROS2001	32,468	26,468	4,000
CHPG2001	27,600	24,000	20,250
CSBT2001	24,011	21,111	14,200
CVNM2002	157,111	141,111	99,300
CSTB2001	12,499	10,999	9,720
CMSN2001	77,289	65,789	60,800
CHPG2004	26,300	23,500	20,250
CHDB2001	33,099	29,099	20,950
CTCB1902	26,300	21,000	17,550
CHPG1909	28,280	24,680	20,250
CMWG2004	24,100	10,500	76,900
CVPB2001	23,000	20,000	21,750
CVPB2004	28,100	24,000	21,750

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	76.9	0.1%	1.1	1,514	4.8	8,655	8.9	2.8	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	59.0	-0.3%	1.3	578	1.6	5,361	11.0	2.9	49.0%	28.7%
BVH	Bảo hiểm	48.3	-0.7%	1.4	1,557	0.9	1,632	29.6	1.9	28.8%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	32.5	5.9%	0.6	327	1.3	2,623	12.4	1.1	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	95.9	-0.1%	0.8	14,103	3.5	2,310	41.5	4.2	14.3%	11.7%
VRE	Bất động sản	26.5	1.5%	1.1	2,618	3.3	1,226	21.6	2.2	31.7%	10.3%
NVL	Bất động sản	51.9	0.0%	0.8	2,188	1.0	3,552	14.6	2.3	5.9%	16.6%
REE	Bất động sản	30.8	-0.6%	0.9	415	0.5	5,287	5.8	0.9	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	9.3	-1.6%	1.5	209	1.9	2,850	3.2	0.7	41.6%	20.3%
SSI	Chứng khoán	13.4	0.0%	1.4	349	1.5	1,787	7.5	0.7	51.3%	9.9%
VCI	Chứng khoán	18.7	2.2%	1.0	134	0.3	4,240	4.4	0.8	34.3%	18.0%
HCM	Chứng khoán	16.5	0.3%	1.8	218	1.1	1,421	11.6	1.2	54.1%	11.7%
FPT	Công nghệ	50.3	0.4%	0.8	1,491	3.3	4,631	10.9	2.4	49.0%	23.7%
FOX	Công nghệ	44.2	0.5%	0.4	478	0.0	4,812	9.2	2.3	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	67.4	1.2%	1.5	5,609	2.1	6,092	11.1	2.7	3.4%	25.4%
PLX	Dầu khí	41.0	2.8%	1.5	2,123	3.5	3,495	11.7	2.1	13.2%	19.6%
PVS	Dầu khí	11.9	0.8%	1.7	247	2.3	1,777	6.7	0.4	15.1%	7.1%
BSR	Dầu khí	5.7	0.0%	0.8	768	0.9	898	6.3	0.5	41.1%	8.5%
DHG	Dược	89.0	1.0%	0.6	506	0.1	4,668	19.1	3.5	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	14.0	-1.4%	0.6	237	1.2	774	18.0	0.7	17.1%	4.7%
DCM	Hóa chất	6.6	-0.2%	0.6	151	0.3	592	11.1	0.6	1.8%	5.1%
VCB	Ngân hàng	71.2	0.4%	1.2	11,481	3.2	5,003	14.2	3.3	23.7%	25.9%
BID	Ngân hàng	37.3	0.0%	1.6	6,523	1.9	2,366	15.8	2.0	17.9%	13.3%
CTG	Ngân hàng	19.8	-0.3%	1.3	3,205	3.2	2,541	7.8	1.0	29.8%	13.2%
VPB	Ngân hàng	21.8	0.0%	1.2	2,305	3.5	3,379	6.4	1.3	23.2%	21.5%
MBB	Ngân hàng	16.5	0.9%	1.1	1,730	3.2	3,476	4.7	1.0	23.0%	22.1%
ACB	Ngân hàng	20.4	1.0%	1.0	1,475	1.7	3,694	5.5	1.2	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	42.3	3.9%	0.9	151	0.5	5,165	8.2	1.4	79.3%	17.2%
NTP	Nhựa	31.4	2.6%	0.3	134	0.1	4,167	7.5	1.2	18.5%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.0	0.7%	0.6	645	0.0	356	42.1	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	20.3	0.7%	1.1	2,431	5.8	2,588	7.8	1.2	36.5%	17.1%
HSG	Thép	6.5	0.6%	1.6	120	1.6	1,161	5.6	0.5	17.6%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	99.3	0.1%	0.7	7,518	5.0	5,478	18.1	6.3	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	157.6	3.0%	0.8	4,394	1.1	7,477	21.1	5.4	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	60.8	-0.2%	1.0	3,090	2.6	4,772	12.7	1.7	36.0%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	14.2	0.4%	0.7	362	1.3	508	28.0	1.2	5.9%	4.4%
ACV	Vận tải	54.4	0.7%	0.8	5,149	0.7	2,630	20.7	3.9	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	116.0	4.7%	1.1	2,642	1.5	7,889	14.7	4.0	18.7%	28.7%
HVN	Vận tải	24.4	0.6%	1.7	1,502	1.7	1,654	14.7	1.9	9.5%	12.9%
GMD	Vận tải	17.4	2.7%	0.9	225	0.8	1,602	10.9	0.9	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	9.7	7.0%	1.0	118	1.7	2,398	4.0	0.6	27.5%	16.1%
VCS	Vật liệu xây dựng	65.0	1.7%	1.0	452	2.6	8,824	7.4	3.0	2.5%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	16.5	4.8%	0.7	321	0.2	1,453	11.3	1.2	13.3%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	12.5	0.0%	0.9	207	0.0	1,941	6.4	0.9	6.5%	14.1%
CTD	Xây dựng	59.4	4.8%	1.2	197	0.9	8,859	6.7	0.5	46.4%	8.2%
VCG	Xây dựng	25.0	0.0%	0.6	480	0.1	1,548	16.1	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	20.0	6.7%	0.3	216	1.8	760	26.3	1.0	45.8%	3.7%
POW	Điện	9.0	-1.2%	0.6	911	2.4	1,028	8.7	0.8	11.9%	9.4%
NT2	Điện	19.0	2.2%	0.6	238	0.4	2,560	7.4	1.3	17.7%	19.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	157.60	3.01	0.84	158280.00
VJC	116.00	4.69	0.80	304040.00
GAS	67.40	1.20	0.44	717400.00
PLX	41.00	2.76	0.41	1.95MLN
VCB	71.20	0.42	0.32	1.06MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GVR	0.00	-0.40	634220.00	1.11MLN
VHM	0.00	-0.29	670940.00	607060.00
VIC	0.00	-0.10	845580.00	373600.00
BVH	0.00	-0.07	448560.00	192700.00
POW	0.00	-0.07	6.10MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CSV	21.40	7.00	0.02	755030.00
VRC	5.35	7.00	0.01	312390.00
AGM	13.00	7.00	0.00	76950.00
PVT	9.65	6.98	0.05	4.08MLN
DTA	5.52	6.98	0.00	8490.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ABS	24.60	-6.99	-0.02	1810.00
DAT	9.77	-6.95	-0.01	10.00
VID	3.49	-6.93	0.00	1030.00
APC	13.50	-6.90	-0.01	24940.00
HSL	6.09	-6.88	0.00	271970.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	20.40	0.99	0.32	1.89MLN
PVI	32.50	5.86	0.06	999600.00
NET	45.10	10.00	0.06	6200.00
DGC	23.40	3.54	0.06	150100.00
SZB	32.40	9.83	0.04	900.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	17.90	-0.56	-0.13	2.60MLN
NVB	7.90	-2.47	-0.08	1.51MLN
VIF	14.50	-8.23	-0.05	600.00
SHS	8.90	-3.26	-0.04	1.74MLN
CEO	6.70	-2.90	-0.03	693500.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

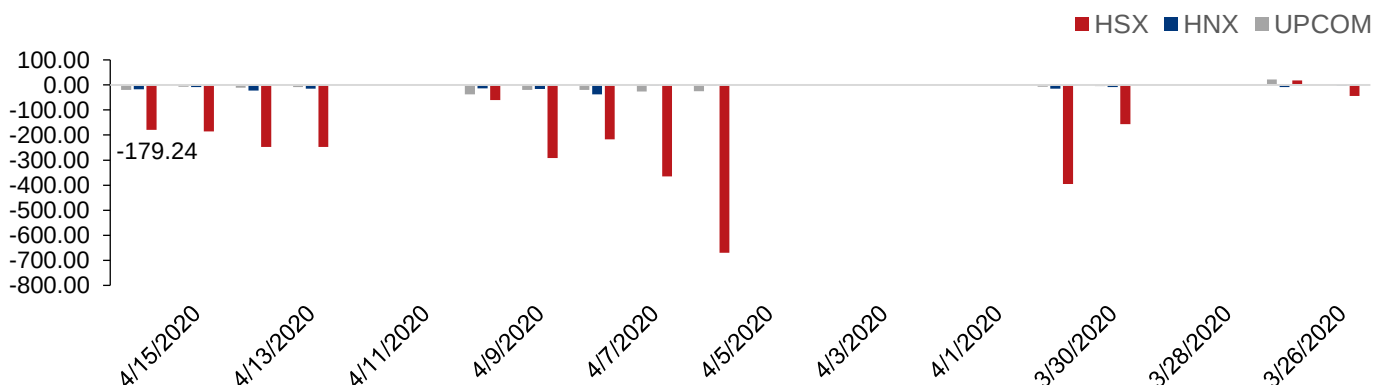
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	25.0	0.01	105100.00
SPP	0.50	25.0	0.00	255500.00
KVC	0.80	14.3	0.01	578400.00
SPI	0.80	14.3	0.00	475200.00
HBS	2.20	10.0	0.00	90200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PCG	5.40	-10.00	0.00	100.00
TTT	35.10	-10.00	0.00	100.00
KMT	7.30	-9.88	0.00	10000.00
CLH	15.60	-9.83	-0.01	2800.00
MBG	9.20	-9.80	-0.02	799900.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



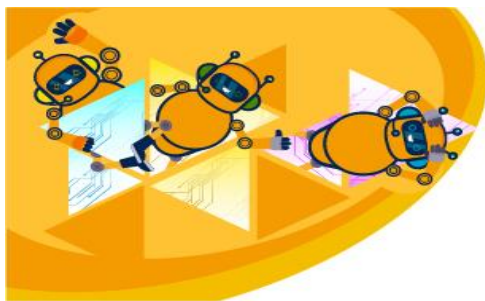
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
4	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
5	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
8	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
9	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
16	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	17.4	1,602	10.9	0.9	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	16/3/2020	22.0	29.0	20.4	3,694	5.5	1.2	Click
3	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	11.9	1,954	6.1	0.6	Click
4	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	157.6	7,477	21.1	5.4	Click
5	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	20.6	1,688	12.2	1.5	Click
6	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	99.3	5,478	18.1	6.3	Click
7	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	11.9	2,690	4.4	0.7	Click
8	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	76.9	8,655	8.9	2.8	Click
9	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	29.2	7,380	4.0	1.1	Click
10	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	50.3	4,631	10.9	2.4	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	18.5	2,109	8.8	1.3	Click
12	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	22.9	3,990	5.7	1.0	Click
13	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	89.0	4,668	19.1	3.5	Click
14	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	22.4	4,313	5.2	1.0	Click
15	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	59.0	5,361	11.0	2.9	Click
16	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	9.7	2,398	4.0	0.6	Click
17	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	159.7	14,782	10.8	4.4	Click
18	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	9.6	0	21.6	0.3	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	76.9	8,655	8.9	2.8	Click
20	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	20.4	3,694	5.5	1.2	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HDTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
PNJ 2020Q2	10/4/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 60000 ; Giá tại Publish 57600 Lợi nhuận gộp Q1/20 ước tính đạt 1,085 tỷ đồng (+3.2% YoY) tương đương biên gộp là 21.7% (giảm nhẹ 20 bps YoY). Chiến lược tập trung vào các dòng sản phẩm có biên lợi nhuận cao đã giúp cho PNJ duy trì được mức biên gộp cao và tối ưu hóa chi phí trong mùa dịch như tiết giảm chi phí nhân viên, thuê mặt bằng ngoài,... đã góp phần làm biên LNST duy trì mức tốt là 8.2% YoY (giảm nhẹ 80 bps YoY). Chúng tôi lưu ý Q2 và Q3 thường là giai đoạn thấp điểm của PNJ nên khả năng sẽ không duy trì được biên gộp cao như Q1 trong 2 quý tới.
VNM 2020Q2	1/4/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 125000 ; Giá tại Publish 91000 Theo VNM chia sẻ, doanh thu cả năm của VNM có thể tăng trưởng chậm lại từ 5-6% dưới tác động của dịch bệnh COVID-19, so với kế hoạch tăng trưởng đầu năm là 10% và không thấp hơn 62,000 tỷ đồng do chưa loại trừ ảnh hưởng của dịch. Chi phí SGA/REV của VNM 2020 sẽ có sự điều tiết giảm về mức 24-25% do (1) Giảm lương nhân viên (2) Giảm marketing, quảng cáo (3) Tăng khuyến mãi để kích thích tiêu dùng. BSC kỳ vọng DTT và LNST của VNM 2020 sẽ đạt lần lượt 59,589 tỷ đồng (+5.6% YoY) và 11,322 tỷ đồng (+7% YoY) nhờ cải thiện được biên gộp, và giảm chi phí SGA/REV; tương đương EPS 2020 là 5,876 VND/cp, PE fwd = 18.1x, PB fwd = 5.4x. Hiện tại, VNM đang được giao dịch với mức PE TTM là 15x thấp hơn so với quá khứ là 20x, nếu giá cổ phiếu tiếp tục giảm thì doanh nghiệp sẽ thực hiện mua cổ phiếu quỹ.
KBC 2020Q1	13/3/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 17110 ; Giá tại Publish 12400 Chúng tôi khuyến nghị Mua cổ phiếu KBC với mức giá hợp lý khoảng 17,110 VND với mức chiết khấu 10% do quan ngại vấn đề pháp lý khiến các dự án trì hoãn so với kế hoạch và cập nhật KQKD 2019 thấp hơn dự báo và triển vọng 2020. BSC dự báo 2020, DT và LNST KBC lần lượt 3,359 tỷ đồng (+3.4% yoy) và LNST 1,177 tỷ đồng (+9% yoy) tương đương với EPS FW 2020 = 2,560 đồng/cp, P/E fwd = 5.8x từ (1) 60ha cho thuê từ KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh (2) 4-5ha từ khu đô thị (KĐT Phúc Ninh, Trảng Duệ). (3) KCN Tân Phú Trung, KCN Quang Châu.
ACB 2019Q4	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 27800 ; Giá tại Publish 22900 Chúng tôi không thay đổi dự báo đối với ACB trong năm 2019 và 2020. Thu nhập lãi thuần +18.3% yoy, tuy nhiên NIM hiện đang ở mức đỉnh và khó có nhiều đột biến. 9M2019, LNTT tăng trưởng 16.4% yoy nhờ (1) NIM cải thiện nhẹ, (2) tăng trưởng tín dụng ở mức 11.1%, (3) Chi phí dự phòng giảm mạnh -75.5% yoy. Chất lượng tài sản được giữ vững vị thế tốt nhất trong ngành. NPL = 0.7%, LLCR = 158%.
Express TPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 23000 Giá tại Publish 20900 BSC dự báo TPB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 8,088 tỷ VND (+8.5% yoy) và 4,120 tỷ VND (+28.5% yoy). TPB tiếp tục giữ tốc độ tăng trưởng cao trong quý 4/2019. LNTT +71.3% yoy cho năm 2019, tăng trưởng tín dụng ở mức 22.1%. NIM tăng mạnh 42 bps và đang ở mức đỉnh, khó có thể tăng trưởng trong thời gian tới.
DRC 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 28780 ; Giá tại Publish 23300 Chúng tôi dự báo DTT và LNST của DRC năm 2020 lần lượt vào khoảng 4,453 tỷ đồng (+14% yoy) và 308 tỷ đồng (+24% yoy) tương đương EPS = 2,599 VND, P/E fwd = 11x. • Tiêu thụ sản phẩm Radial 2020 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt từ các đơn hàng xuất khẩu. (1) sản lượng tiêu thụ Radial năm 2020 sẽ đạt khoảng 115% công suất tương đương 670 nghìn lốp (+35% yoy) lốp trong đó tỷ trọng nội địa và xuất khẩu lần lượt 24% và 76%; (2) giá bán lốp Radial được chúng tôi kỳ vọng sẽ không giảm hoặc tăng nhẹ.



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn